ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Số: 445/QĐ-ĐHNN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành cấu trúc đề thi tuyển sinh vào lớp 10 trường Trung học phổ thông Chuyên ngoại ngữ năm 2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Căn cứ Quyết định 4444/QĐ-ĐHQGHN ngày 27/11/2014 của Giám đốc ĐHQGHN ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Trường Trung học phổ thông Chuyên Ngoại ngữ trực thuộc Trường Đại học Ngoại ngữ.

Căn cứ Thông tư 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư 06/2012/TT-BGDĐT ngày 15/02/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Trung học phổ thông chuyên;

Căn cứ Nghị định số 186/NĐ-CP ngày 17/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Đại học Quốc gia Hà Nội và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Thông tư số 12/2014/TT-BGDĐT, ngày 18/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung Điều 23 và Điều 24 Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên ban hành kèm theo Thông tư số 06/2012/TT-BGDĐT ngày 15/2/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 2755/QĐ-ĐHNN ngày 25/12/2018 của Hiệu trưởng Trường ĐHNN về việc ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Ngoại ngữ;

Căn cứ Quyết định số 207/QĐ-ĐHNN ngày 02/01/2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHNN về việc Ban hành cấu trúc đề thi tuyển sinh vào lớp 10 trường Trung học phổ thông Chuyên ngoại ngữ năm 2020 của Trường Đại học Ngoại ngữ;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Giám đốc Trung tâm Khảo thí;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành cấu trúc đề thi tuyển sinh vào lớp 10 trường Trung học phổ thông Chuyên ngoại ngữ năm 2020 (*có phụ lục đính kèm*).

Điều 2: Cấu trúc đề thi ban hành kèm theo quyết định này thay thế cho Quyết định số 207/QĐ-ĐHNN ngày 02/01/2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHNN, là căn cứ để Hội đồng tuyển sinh và Ban đề thi xây dựng đề thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT Chuyên Ngoại ngữ từ năm 2020.

Điều 3: Các Ông (Bà) Trưởng phòng Hành chính-Tổng hợp, Giám đốc Trung tâm Khảo thí, Hiệu trưởng trường Trung học Phổ thông Chuyên Ngoại ngữ và toàn thể các đơn vị trong trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này ./.

Nơi nhận:
- Như điều 2;
- ĐHQGHN (để b/c)
- Ban Giám hiệu (để b/c)
- Trung tâm Khảo thí (để phối hợp)
- Lưu: HCTH, KT, ĐT, Tr08

HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Tuấn Minh

Scanned by CamScanner

CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN SINH THPT CHUYÊN NGOẠI NGỮ

(Kèm theo Quyết định số 445/QĐ-ĐHNN ngày 24 tháng 02 năm 2020)

THÔNG TIN CHUNG

Số môn thi: 3

MÔN THI 1: ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

TIẾNG ANH:

Thời gian làm bài: 120 phút
Số phần thi: 2
Tổng số câu hỏi: 60 câu hỏi trắc nghiệm và 02 câu hỏi tự luận
Dạng câu hỏi: Trắc nghiệm 4 lựa chọn và tự luận
Hình thức làm bài: Thí sinh làm bài trên Phiếu trả lời trắc nghiệm và trên giấy trả lời cho phần tự luận

TIẾNG PHÁP/NGA/TRUNG/ĐỨC/NHẬT/HÀN:

Thời gian làm bài: 70 phút
Số phần thi: 2
Tổng số bài thi: 2
Dạng câu hỏi: Tự luận viết và phỏng vấn trực tiếp
Hình thức làm bài: Thí sinh làm bài trên phiếu trả lời và trả lời phỏng vấn trực tiếp

MÔN THI 2: ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TOÁN VÀ KHOA HỌC TỰ NHIÊN

Thời gian làm bài: 60 phút
Số phần thi: 1
Tổng số câu hỏi: 40 câu hỏi trắc nghiệm
Dạng câu hỏi: Trắc nghiệm 4 lựa chọn
Hình thức làm bài: Thí sinh làm bài trên Phiếu trả lời trắc nghiệm

MÔN THI 3: ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC VĂN VÀ KHOA HỌC XÃ HỘI

Thời gian làm bài: 60 phút
Số phần thi: 2
Tổng số câu hỏi: 25 câu hỏi trắc nghiệm + 02 câu hỏi tự luận
Dạng câu hỏi: Trắc nghiệm 4 lựa chọn và câu hỏi tự luận
Hình thức làm bài: Thí sinh làm bài trên Phiếu trả lời trắc nghiệm và trên giấy trả lời cho phần tự luận

Scanned by CamScanner

MÔN THI 1: ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH

Thời gian làm bài: 120 phút
Số phần thi: 2
Tổng số câu hỏi: 60 câu hỏi trắc nghiệm 4 lựa chọn và 02 câu hỏi tự luận
Hình thức làm bài: Thí sinh làm bài trên Phiếu trả lời trắc nghiệm và trên giấy trả lời cho phần tự luận

Phần thi	Bài thi	Mô tả câu hỏi	Yêu cầu đối với thí sinh	Số câu hỏi	Kiến thức, kỹ năng được đánh giá
Phần thi trắc nghiệm	Cách phát âm của âm vị trong từ	Mỗi câu hỏi gồm 04 lựa chọn A, B, C, D. Mỗi lựa chọn là một từ có 1 phần được gạch chân. 03 lựa chọn có phần gạch chân có cách phát âm giống nhau và 01 lựa chọn có phần gạch chân có cách phát âm khác với những lựa chọn còn lại.	Chọn 01 trong 04 lựa chọn có phần gạch chân có cách phát âm khác với những lựa chọn còn lại.	04	Khả năng xác định cách phát âm hoặc trường độ của các âm vị nguyên âm hoặc phụ âm trong từ tiếng Anh.
	Trọng âm của từ	Mỗi câu hỏi gồm 04 lựa chọn A, B, C, D. Mỗi lựa chọn là 01 từ. 03 lựa chọn có vị trí trọng âm giống nhau và 01 lựa chọn còn lại có vị trí trọng âm khác với những lựa chọn khác.	Chọn 01 từ trong 04 từ đã cho có vị trí trọng âm khác với các từ còn lại.	04	Khả năng xác định trọng âm (chính và phụ) trong đơn vị từ tiếng Anh.
	Tìm từ/ cụm từ Đồng nghĩa	Mỗi câu hỏi gồm 01 câu với 01 từ hoặc cụm từ được gạch chân. Tương ứng với phần gạch chân là 04 lựa chọn A, B, C, D trong đó 01 lựa chọn đồng nghĩa với từ/cụm từ được gạch chân.	Chọn 01 từ hoặc cụm từ trong 04 lựa chọn đồng nghĩa với từ/cụm từ được gạch chân trong câu hỏi.	03	Khả năng hiểu nghĩa và xác định từ/cụm từ đồng nghĩa trong tiếng Anh
	Tìm từ/ cụm từ Trái nghĩa	Mỗi câu hỏi gồm 01 câu với 01 từ hoặc cụm từ được gạch chân. Tương ứng với phần gạch chân là 04 lựa chọn A, B, C, D trong đó 01 lựa chọn trái nghĩa với từ/cụm từ được gạch chân.	Chọn 01 từ hoặc cụm từ trong 04 lựa chọn trái nghĩa với từ/cụm từ được gạch chân trong câu hỏi.	03	Khả năng hiểu nghĩa và xác định từ/cụm từ trái nghĩa trong tiếng Anh
	Hoàn thành câu	Mỗi câu hỏi gồm 01 câu với 01 chỗ trống. Tương ứng với chỗ trống là 04 lựa chọn A, B, C, D để hoàn câu.	Chọn 01 từ hoặc cụm từ trong 04 lựa chọn để hoàn thành câu.	05	Khả năng hiểu nghĩa và xác định chức năng của từ/cụm từ trong câu.
	Điền từ	01 đoạn văn có độ dài từ 200-300 từ với 08 chỗ trống được đánh số theo thứ tự. Dưới đoạn văn có 8 câu hỏi tương ứng với các chỗ trống đó. Mỗi câu hỏi có 04 lựa chọn A, B, C, D là các từ hoặc cụm từ có thể điền vào các chỗ trống.	Chọn 01 lựa chọn đúng trong 04 lựa chọn cho sẵn để điền vào chỗ trống trong đoạn văn.	08	Kiến thức về từ vựng, ngữ pháp trong mệnh đề, câu và diễn ngôn tiếng Anh.
	Bài đọc	01 bài đọc có độ dài khoảng 250-400 từ. Dưới bài đọc có 8 câu hỏi đánh số theo thứ tự. Mỗi câu hỏi bao gồm 04 lựa chọn A, B, C, D.	Đọc đoạn văn và trả lời 8 câu hỏi kèm theo.	08	Khả năng đọc văn bản tiếng Anh lấy ý chính, xác định cấu trúc, hiểu mục đích, thái độ, quan điểm của tác giả, hiểu thông tin chi tiết, nghĩa của từ và cụm từ, tham chiếu, hàm ngôn, suy diễn qua ngữ cảnh.

Scanned by CamScanner

	Hoàn thành Hội thoại	Mỗi câu hỏi gồm 01 hội thoại có 02 lượt lời (01 lời nói và 01 lời đáp), trong đó lời nói hoặc lời đáp có 01 chỗ trống. Dưới hội thoại có 04 lựa chọn A, B, C, D là các cụm từ hoặc câu có độ dài tương tự nhau. 01 trong 04 lựa chọn có thể điền vào chỗ trống.	Chọn 01 lựa chọn đúng ở mỗi câu hỏi để điền vào chỗ trống.	05	Kiến thức và khả năng hiểu nghĩa và sử dụng ngôn ngữ phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp; Kiến thức và khả năng sử dụng những cặp thoại liền kề (adjacency pairs) phổ biến.
	Sắp xếp Hội thoại	Mỗi câu hỏi gồm 01 đoạn hội thoại có 4-6 lượt lời bị xáo trộn thứ tự và được đánh dấu bằng chữ cái in thường a, b, c, d, e, f. Dưới hội thoại có 04 lựa chọn A, B, C, D là các cách sắp xếp các lượt lời theo trật tự khác nhau. 01 trong 04 lựa chọn là trật tự đúng của các lượt lời trong hội thoại đã cho.	Chọn 01 lựa chọn là trật tự đúng của các lượt lời trong hội thoại đã cho.	05	Kiến thức và khả năng hiểu nghĩa và sử dụng ngôn ngữ giao tiếp phù hợp với ngữ cảnh giao tiếp; Khả năng hiểu suy diễn và hàm ngôn phù hợp với ngữ cảnh giao tiếp.
	Viết lại câu	Mỗi câu hỏi gồm 01 câu hoặc cặp câu tiếng Anh đi kèm với 04 lựa chọn A, B, C, D là các cách diễn đạt khác nhau có liên quan đến câu hoặc cặp câu đó. 01 trong 04 lựa chọn đồng nghĩa hoặc cận nghĩa nhất với câu hoặc cặp câu đã cho.	Chọn câu đồng nghĩa hoặc cận nghĩa nhất với câu hoặc cặp câu đã cho trong câu hỏi.	05	Khả năng xác định câu đồng nghĩa hoặc cận nghĩa.
	Kết hợp câu	Mỗi câu hỏi gồm 01 cặp câu tiếng Anh đi kèm với 04 lựa chọn A, B, C, D là các cách diễn đạt khác nhau có liên quan đến cặp câu đó. 01 trong 04 lựa chọn đồng nghĩa hoặc cận nghĩa nhất với cặp câu đã cho.	Chọn câu đồng nghĩa hoặc cận nghĩa nhất với cặp câu đã cho trong câu hỏi.	05	Khả năng hiểu nghĩa các câu đơn lẻ và mối liên hệ ngữ nghĩa giữa chúng; và khả năng kết hợp các câu đơn lẻ sử dụng cấu trúc câu phức và các liên từ phù hợp.
	Hoàn thành bài luận	Một đoạn văn gồm 200-250 từ có 5 cụm từ hoặc câu bị bỏ trống và được đánh số theo thứ tự. Dưới bài luận có 05 câu hỏi tương ứng với các chỗ trống. Mỗi câu hỏi gồm 04 lựa chọn A, B, C, D là 01 cụm từ hoặc câu. 01 trong 04 lựa chọn có thể điền vào chỗ trống.	Chọn 01 cụm từ hoặc câu trong 04 lựa chọn cho sẵn trong mỗi câu hỏi để điền vào chỗ trống tương ứng trong bài luận đã cho.	05	Khả năng hiểu nghĩa diễn ngôn hoặc văn bản tiếng Anh; Kiến thức về cách phát triển ý trong một văn bản tiếng Anh.
Phần thi tự luận	Viết văn bản ngắn	Một thư tín, tờ thông báo, thông tin, quảng cáo...	Viết một văn bản khoảng 150 từ về thông tin được cung cấp.	01	Khả năng viết sản sinh một văn bản tiếng Anh ngắn trình bày về những thông tin đã được cung cấp.
	Viết văn bản dài	Một chủ đề cho sẵn trình bày ý kiến, thảo luận, tranh luận.	Viết một văn bản khoảng 250 từ về một chủ đề cho sẵn.	01	Khả năng viết sản sinh một văn bản tiếng Anh trình bày một ý kiến hay thông tin trọn vẹn.

Scanned by CamScanner

MÔN THI 1: ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ TIẾNG PHÁP/NGA/TRUNG/ĐỨC/NHẬT/HÀN

Thời gian làm bài: 60 phút
Số phần thi: 2
Dạng câu hỏi: Tự luận
Hình thức làm bài: Thí sinh làm bài trên phiếu trả lời và trả lời phỏng vấn trực tiếp

Phần thi	Bài thi	Mô tả bài thi	Yêu cầu đối với thí sinh	Số câu hỏi	Kiến thức, kỹ năng được đánh giá
Phần thi viết (60 phút)	Sắp xếp lại câu	Mỗi câu hỏi là tập hợp các từ và ngữ trong 1 câu hoàn chỉnh đã được đảo trật tự.	Thí sinh sắp xếp lại các từ và ngữ đã cho trong câu hỏi để ghép thành 1 câu hoàn chỉnh có nghĩa và đúng ngữ pháp.	10	Khả năng ghép các từ và ngữ thành câu hoàn chỉnh đúng ngữ pháp.
	Viết lại câu	Mỗi câu hỏi bao gồm 1 câu cho sẵn và 1 từ hoặc cụm từ bắt đầu một cách diễn đạt khác của câu đó.	Thí sinh viết một câu là các cách diễn đạt khác của câu đã cho bắt đầu bằng từ hoặc cụm từ cho sẵn trong câu hỏi.	10	Khả năng hiểu nghĩa của câu và diễn đạt lại câu theo từ hoặc cụm từ gợi ý.
	Viết văn bản	Câu hỏi yêu cầu thí sinh viết 01 văn bản mô tả, tường thuật, thư tín hoặc nghị luận có độ dài khoảng 250-400 từ về một chủ đề cho sẵn.	Viết 01 văn bản mô tả, tường thuật, thư tín hoặc nghị luận có độ dài khoảng 250-400 từ về một chủ đề cho sẵn.	01	Khả năng viết sản sinh theo chủ đề.
Phần thi phỏng vấn (10 phút)	Phỏng vấn trực tiếp	3 phần thi: Tương tác xã hội; Thực hiện tình huống; và Phát triển chủ đề.	Phần 1- Tương tác xã hội Thí sinh trả lời 3-6 câu hỏi về 2 chủ đề khác nhau. Phần 2- Thực hiện tình huống Thí sinh được cung cấp một tình huống và thực hiện lời nói theo chỉ dẫn trong tình huống đó. Phần 3- Phát triển chủ đề Thí sinh nói về một chủ đề cho sẵn, có thể sử dụng các ý được cung cấp sẵn hoặc tự phát triển ý của riêng mình. Phần 3 kết thúc với một số câu hỏi thảo luận về chủ đề trên.	03	Kiểm tra các kĩ năng Nói khác nhau: tương tác, thực hiện tình huống và trình bày một vấn đề.

Scanned by CamScanner

MÔN THI 2: ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TOÁN VÀ KHOA HỌC TỰ NHIÊN

Thời gian làm bài: 60 phút
Số phần thi: 1
Tổng số câu hỏi: 40 câu hỏi trắc nghiệm
Hình thức làm bài: Thí sinh làm bài trên phiếu trả lời trắc nghiệm

Phần nội dung	Mô tả câu hỏi	Yêu cầu đối với thí sinh	Số câu hỏi	Kiến thức, kỹ năng được đánh giá
Đại số	Mỗi câu hỏi gồm phần mô tả thuộc một trong các nội dung kiến thức: biểu thức đại số không chứa căn, phương trình bậc nhất một ẩn, phương trình nghiệm nguyên, giải toán bằng cách lập phương trình, bất phương trình, biểu thức đại số chứa căn bậc 2 và/hoặc căn bậc 3, phương trình bậc 2 một ẩn và định lý Vi-et, phương trình vô tỷ, phương trình đại số bậc cao, phương trình chứa ẩn ở mẫu, hệ phương trình, hàm số đồ thị, giải toán bằng cách lập phương trình hoặc hệ phương trình, bất đẳng thức, giá trị lớn nhất và giá trị nhỏ nhất. Phần yêu cầu tính toán kèm theo 04 lựa chọn A, B, C, D. 01 trong số 04 lựa chọn đưa ra là đáp án đúng.	Tính toán theo yêu cầu đề bài, chọn 01 lựa chọn là đáp án đúng duy nhất	17	Kiến thức đã học trong chương trình Đại số lớp 8 và 9. Năng lực tư duy định lượng với các cấp độ: hiểu, tính toán, suy luận, giải quyết vấn đề, ứng dụng, đo lường, sáng tạo
Hình học	Mỗi câu hỏi gồm phần mô tả thuộc một trong các nội dung kiến thức: đa giác, tam giác đồng dạng, định lý Talet, hệ thức lượng trong tam giác vuông, đường tròn, góc với đường tròn. Phần yêu cầu tính toán kèm theo 04 lựa chọn A, B, C, D, 01 trong số 04 lựa chọn đưa ra là đáp án đúng.	Tính toán theo yêu cầu đề bài, chọn 01 lựa chọn là đáp án đúng duy nhất	08	Kiến thức đã học trong chương trình Hình học lớp 8 và 9. Năng lực tư duy định lượng với các cấp độ: hiểu, tính toán, suy luận, giải quyết vấn đề, ứng dụng, đo lường, sáng tạo.
Các môn Khoa học tự nhiên khác	Mỗi câu hỏi gồm 01 phần mô tả ngắn về một tình huống phổ biến trong cuộc sống hàng ngày và 01 phần yêu cầu thí sinh khai thác dữ kiện từ phần mô tả, vận dụng kiến thức cơ bản đã học trong chương trình các môn khoa học tự nhiên, các hiểu biết thường thức liên quan đến khoa học tự nhiên, và năng lực tư duy ở các cấp độ biết, hiểu và vận dụng thấp để giải thích tình huống được mô tả. Phần yêu cầu đề bài kèm theo 04 lựa chọn A, B, C, D, 01 trong số 04 lựa chọn đưa ra là đáp án đúng.	Phân tích dữ kiện đã cho và yêu cầu đề bài, chọn 01 lựa chọn là đáp án đúng duy nhất	15	Kiến thức và kỹ năng cơ bản đã học về khoa học tự nhiên, các hiểu biết thường thức liên quan đến khoa học tự nhiên. Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học ở các cấp độ tư duy biết, hiểu, vận dụng. Kỹ năng tư duy tổng hợp, kỹ năng tư duy logic.

Scanned by CamScanner

MÔN THI 3: ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC VĂN VÀ KHOA HỌC XÃ HỘI

Thời gian làm bài: 60 phút
Số phần thi: 2
Tổng số câu hỏi: 25 câu hỏi trắc nghiệm và 01 phần tự luận gồm 2 câu hỏi
Dạng câu hỏi: Trắc nghiệm 4 lựa chọn và tự luận
Hình thức làm bài: Thí sinh làm bài trên Phiếu trả lời trắc nghiệm và trên giấy trả lời cho phần tự luận

	Phần nội dung	Mô tả câu hỏi	Yêu cầu đối với thí sinh	Số câu hỏi	Kiến thức, kỹ năng được đánh giá
Phần thi trắc nghiệm	Tiếng Việt	Mỗi câu hỏi gồm 01 phần ngữ liệu là câu văn, câu thơ, hoặc đoạn văn, đoạn thơ ngắn, hoặc thành ngữ, tục ngữ ngắn và 01 phần yêu cầu khai thác ngữ liệu đã cho, vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học trong chương trình tiếng Việt lớp 6, 7, 8, 9 ở các cấp độ tư duy biết, hiểu, vận dụng thấp, vận dụng cao để tìm đáp án đúng. Phần yêu cầu đề bài kèm theo 04 lựa chọn A, B, C, D. 01 trong số 04 lựa chọn đưa ra là đáp án đúng.	Phân tích ngữ liệu đã cho và yêu cầu đề bài, chọn 01 lựa chọn là đáp án đúng duy nhất	09	Kiến thức và kỹ năng đã học về tiếng Việt trong chương trình lớp 6, 7, 8, 9. Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học ở các cấp độ tư duy biết, hiểu, vận dụng, vận dụng cao. Kỹ năng tư duy tổng hợp, kỹ năng tư duy logic, giải quyết vấn đề.
	Đọc hiểu văn bản nhật dụng	Phần này sử dụng 02 đoạn trích từ 02 văn bản nhật dụng làm ngữ liệu. Mỗi đoạn trích được sử dụng làm ngữ liệu cho 03 câu liên tiếp, trong đó thí sinh được yêu cầu khai thác ngữ liệu đã cho, vận dụng năng lực tư duy ở các cấp độ biết, hiểu, vận dụng thấp, vận dụng cao để thực hiện các thao tác phân tích và đánh giá văn bản. Phần yêu cầu đề bài kèm theo 04 lựa chọn A, B, C, D. 01 trong số 04 lựa chọn đưa ra là đáp án đúng.	Phân tích ngữ liệu đã cho và yêu cầu đề bài, chọn 01 lựa chọn là đáp án đúng duy nhất	06	Kiến thức và kỹ năng đã học về văn bản nhật dụng trong chương trình lớp 6, 7, 8, 9. Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học ở các cấp độ tư duy biết, hiểu, vận dụng, vận dụng cao. Kỹ năng tư duy tổng hợp, kỹ năng tư duy logic, giải quyết vấn đề.
	Các môn Khoa học xã hội khác	Mỗi câu hỏi gồm 01 phần mô tả ngắn về một sự kiện, tình huống xã hội, hoặc chuỗi dữ kiện và 01 phần yêu cầu thí sinh khai thác dữ kiện từ phần mô tả, vận dụng kiến thức cơ bản đã học trong chương trình các môn khoa học xã hội, các hiểu biết thường thức liên quan đến khoa học xã hội, và năng lực tư duy ở các cấp độ biết, hiểu và vận dụng thấp để giải thích tình huống được mô tả. Phần yêu cầu đề bài kèm theo 04 lựa chọn A, B, C, D. 01 trong số 04 lựa chọn đưa ra là đáp án đúng.	Phân tích dữ kiện đã cho và yêu cầu đề bài, chọn 01 lựa chọn là đáp án đúng duy nhất	10	Kiến thức và kỹ năng cơ bản đã học trong chương trình các môn khoa học xã hội, các hiểu biết thường thức liên quan đến khoa học xã hội. Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học ở các cấp độ tư duy biết, hiểu, vận dụng. Kỹ năng tư duy tổng hợp, kỹ năng tư duy logic.
Phần thi tự luận	Cảm thụ tác phẩm văn học	Phần này sử dụng 02 đoạn trích từ 02 tác phẩm văn học làm ngữ liệu. Các tác phẩm sử dụng là các tác phẩm nằm trong chương trình Ngữ văn lớp 6, 7, 8, 9 hoặc có đặc điểm tương đương (cùng tác giả/đề tài/chủ đề/thể loại) với các tác phẩm đã học trong chương trình Ngữ văn lớp 6, 7, 8, 9. Mỗi đoạn trích được sử dụng làm ngữ liệu cho 01 câu hỏi mở, trong đó thí sinh được yêu cầu khai thác ngữ liệu đã cho, vận dụng năng lực tư duy ở các cấp độ vận dụng (cho 01 câu hỏi) và vận dụng cao (cho 01 câu hỏi) để thực hiện các thao tác phân tích, cảm thụ văn học.	- Viết câu trả lời ngắn gọn có độ dài không quá 100 từ theo yêu cầu đề bài. - Nghị luận văn học có độ dài không quá 300 từ theo yêu cầu đề bài.	02	Kiến thức đã học về tác phẩm văn học trong chương trình lớp 6, 7, 8, 9. Năng lực phân tích và cảm thụ văn học ở cấp độ tư duy vận dụng và vận dụng cao. Kỹ năng tư duy tổng hợp, kỹ năng tư duy logic, giải quyết vấn đề.

Scanned by CamScanner